

Số: 1287 /BVC-VTTB

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 8 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện C Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Mua vật tư tiêu hao, hoá chất bổ sung, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện C Đà Nẵng, địa chỉ: Số 122 đường Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Trần Lâm Duy Khoa – Nhân viên Phòng Vật tư - TBYT, SĐT: 02363 821 480, email: vattubvc@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nội dung chuyển phát: Báo giá Dự toán Mua vật tư tiêu hao, hoá chất bổ sung.
- Nhận trực tiếp tại: Phòng Văn Thư - Bệnh viện C Đà Nẵng, địa chỉ: Số 122 đường Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng trong giờ hành chính, các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu.

- Địa chỉ email: vattubvc@gmail.com nhận file mềm và bản scan.

4. Thời hạn nhận báo giá từ 8h00phút ngày 19 tháng 8 năm 2026 đến trước 16h30phút ngày 20 tháng 8 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu: 90 ngày kể từ ngày phát hành.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư tiêu hao, hóa chất: Chi tiết bảng mô tả đính kèm **phụ lục 1**.

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển cung cấp như sau:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện C Đà Nẵng, địa chỉ: Số 122 đường Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Hàng hóa được giao mới 100% chưa qua sử dụng được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

1. Thời gian giao hàng dự kiến:

Giao hàng từng đợt theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện C Đà Nẵng, thời gian giao hàng dự kiến 72 giờ và trong trường hợp khẩn cấp 24 giờ.

2. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.
- Thanh toán theo từng đợt.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

- Báo giá theo mẫu **Phụ lục 2** đính kèm thông báo này.
- Các hãng sản xuất nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa báo giá bằng giá hoặc file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ bệnh viện Hoặc email quy định tại khoản 3 mục 1 yêu cầu báo giá.
- Trường hợp bản giấy chậm trễ trong quá trình vận chuyển gửi về địa chỉ nhận trực tiếp của bệnh viện Quy định tại khoản 3 mục I - Yêu cầu báo giá, các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải có bản mềm và bản scan của hồ sơ báo giá theo quy định tại thời điểm a, b khoản 5 mục này gửi về địa chỉ email của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá trước ngày kết thúc thời hạn nhận báo giá quy định tại khoản 4 mục I - Yêu cầu báo giá; bản giấy phải được gửi về Bệnh viện C Đà Nẵng **chậm nhất sau 3 ngày làm việc** kể từ ngày kết thúc tiếp nhận báo giá.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, VTTB

GIÁM ĐỐC 



★ Nguyễn Trọng Thiện

Danh mục: Mua vật tư tiêu hao, hoá chất bổ sung

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng cuộn Y tế	Chất liệu vải, kích thước: 7,7cm x 150cm	7.7cm*150cm , Gói 10 cuộn	cuộn	1.460
2	Băng gạc vô trùng có định kim luôn	Thiết kế có lỗ khoét sẵn và rãnh cắt, dễ dàng trong việc sử dụng - Có dính miếng gạc vô trùng thấm hút dịch rò, và miếng gạc nâng kim - 4 góc miếng băng được bo tròn - Có thể dùng khi tắm rửa - Đóng gói tiệt trùng. - Kích thước 6cm x 9cm		miếng	11.000
3	Bông vô trùng 5x5cm	Bông vô trùng, Được cắt sẵn, kích thước 5cm x 5cm.	500 gam/gói	gói	14
4	Bông không thấm nước	Bông không hút nước, gói 1 kg	1 kg/gói	kg	10
5	Bông ép sọ não 2cm x 7cm có dây cân quang	Gạc không dệt hút nước hoặc bông tự nhiên tinh chế	5 cái/ gói	cái	1.000
6	Bộ gậy tê ngoài màng cứng	Bộ gậy tê ngoài màng cứng cho phép dùng liên tiếp hay nhiều lần thuốc giảm đau, catheter 20G hoặc 22G (pediatric), kim Tuohy 18G hoặc 19G dài 50mm, lọc gậy tê ngoài màng cứng phẳng 0.2 µm, băng keo tự dính để cố định bộ lọc, bơm tiêm có độ kháng thấp 10ml, bơm tiêm thường 10ml, dao mổ 1.6x35mm, kim 0.9x40mm, kim gậy tê dưới da 0.5x25mm, nút chặn kim Tuohy.	1 Bộ/ Gói	bộ	40
7	Bộ súc rửa phế quản	Chất liệu: Nhựa y tế, không gây kích ứng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Gói 1 cái	cái	500
8	Chỉ Chromic 3/0 kim tròn, kim dài 24mm (Catgut) hoặc tương đương	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut kim tròn số 3/0, kim dài 24mm (Catgut) hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương		Sợi	72
9	Chỉ Mersilk 2/0 13x60 không kim hoặc tương đương.	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0, không kim. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương		Sợi	216
10	Chỉ Polyglactan 7/0 (vicryl) hoặc tương đương	Chỉ tan tổng hợp, số 7, kim tròn 1/2C. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương		Sợi	72
11	Chỉ thép số 5 kim tròn	Chất liệu: Thép không gỉ. Loại số 5, kim tròn, kim dài 48mm, chỉ dài ≥ 45cm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	4 Sợi/ Tép	Tép	24
12	Chỉ phẫu thuật V-loc 4.0 hoặc tương đương	Kích thước: 4.0. Đường kính: 0,15-0,199mm. chiều dài ≥ 17cm, kim tròn 1/2C, 26mm. Loại chỉ tiêu trung bình, có gai không cần nút buộc. Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485		Sợi	160
13	Dây garo	Thun co giãn, có băng dính để giữ cố định. Sử dụng được nhiều lần	10 cái/ gói	Cái	280
14	Dây truyền sử dụng truyền hóa chất	Chất liệu: Nhựa PP hoặc tương đương. Không có nhựa PVC trong các thành phần của bộ dây. Đầu chọc có lỗ thông hơi. Khóa và bánh xe đủ nhạy, để điều chỉnh tốc độ dịch chảy. Các đầu nối không bị hở. Có bầu nhỏ giọt.		Cái	100
15	Dây truyền dịch chịu áp lực cao	Dây truyền dịch có kim đầu kim sắc nhọn, từ vật liệu inox không gỉ, không bị cặn trong, có nắp dây bảo vệ, van thoát khí có màng lọc khí vô khuẩn từ 15 đến 20µm, buồng nhỏ giọt và ống nhỏ giọt có thiết kế màng lọc dịch, trong để quan sát theo dõi đếm giọt, dây mềm dẻo không gây gập. Chiều dài dây ≥ 160cm. Chịu được áp lực cao, dùng được cho máy truyền dịch. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.		cái	56.600
16	Găng tay nylon	Chất liệu: Polyethylene hoặc tương đương		Đôi	38.800
17	Gạc dẫn lưu TMH 0,75x200x 4lớp	Chất liệu: Gạc hút nước 100% cotton và bông tự nhiên tinh chế. Kích thước: 0,75cm x200cm x 4 lớp. Tiệt trùng.		cái	1.200
18	Gạc đắp bông (Vaselin)	Gạc thông thoáng, không dính cấu tạo bởi các mắt lưới polyester, phân tán trong vaselin, giúp thay băng không đau và lành thương trong môi trường ẩm. Tiệt trùng		cái	2.900
19	Gạc băng mắt	Chất liệu: Gạc hút nước 100% cotton và bông tự nhiên tinh chế. Tiệt trùng.	10 cái/gói	cái	2.500
20	Giấy thử pH chia nhỏ độ	Giấy thử pH, đo pH= 1-12 cùng băng màu đối chiếu để xác định pH		Hộp	6
21	Giấy thử nhiệt hấp tiệt trùng	Giấy thử nhiệt hấp, kích thước: 1,25cm x 50m. Sau khi khử trùng, dải chỉ thị sẽ chuyển màu.	84 cuộn/thùng	cuộn	96
22	Hệ thống hút kín số 12,14 (Dây hút đờm vô trùng)	Chất liệu: PVC y tế, không latex. Size 12Fr, 14Fr. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Gói/1 cái	Cái	150
23	Mask thở các cỡ cho người lớn & trẻ em	Mask thở oxy người lớn, trẻ em. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	1 cái/túi	Cái	40
24	Nhiệt kế	Loại nhiệt kế thủy ngân. Dùng đo nhiệt độ cơ thể ở miệng, nách, hậu môn. Vạch chia độ rõ nét, dễ quan sát. Khoảng đo: từ 35 độ C – 42 độ. Có hộp nhựa để bảo quản.		Cái	60
25	Tấm trải ni lon 0,8x1,2m, 1mx1,5m	Chất liệu: PE, tiệt trùng. Kích thước: 0,8x1,2m, 1mx1,5m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương		tấm	400
26	Que cấy	Chất liệu: Thép không gỉ. Đầu que cấy loại vòng tròn, dùng để phân lập.		Cái	20
27	Thông chữ T các số 14-18	Chất liệu cao su y tế. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	1 Cái/ Gói	cái	36
28	Tấm bông dũa mảnh thép vô trùng lấy bệnh phẩm	Hàn kim tiệt trùng từng que. Dùng để lấy các mẫu bệnh phẩm quét tế bào. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương		cái	200

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
29	Túi hậu môn nhân tạo loại xả	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, túi xả. Để làm từ hydrocolloid bảo vệ da. Tích hợp khóa cuộn và có lọc khí chống mùi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	1 Cái/ Gói	cái	40
30	Túi laser	Màng PP, PE. Tiệt trùng và đóng trong từng túi riêng biệt. Kích thước: $\geq (15\text{cm} \times 210\text{cm})$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương		cái	1.600
31	Túi chườm nóng	Chất liệu: cao su y tế, không độc hại, chịu được nhiệt độ cao ($\sim 120^\circ\text{C}$), dễ dàng làm sạch, an toàn, bền.		cái	10
32	Túi chườm lạnh	Chất liệu: nylon không độc, dễ dàng làm sạch, an toàn, bền.		cái	8
	Hóa chất thường quy:				
33	Glucosa tinh khiết	Glucose bột		kg	36
34	Oxy già 3%	H ₂ O ₂ 3%V. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	500ml	chai	40
35	Test hóa học kiểm soát tiết trũng hơi nước	Thiết kế dạng que giấy dài có vạch mực chỉ thị hóa học. Vạch mực chuyển màu sau khi quá trình xử lý tiết trũng hơi nước. Sử dụng với nhiệt độ hấp 121°C hoặc 134°C. Thành phần không chứa Chi gây độc hại. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	100 miếng/hộp	miếng	60.000
36	Indigocarmine	Dùng để nhuộm sinh phẩm.		lo	10
	Vật tư tiêu hao và y dụng cụ Răng hàm mặt				
37	Chỉ co nướu (nha khoa)	Làm từ 100% các sợi cotton đan vào nhau với một kết cấu đặc biệt và tinh khiết, không ngâm tẩm hóa chất. Khả năng hấp thụ chất lỏng (dịch nước, máu) cao hơn 30% so với các loại chỉ co nướu khác. Cuộn dài $\geq 2,44\text{m}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Cuộn	4
38	Calci che tủy chiếu đèn	Vật liệu trám lót Calcium Silicate gia cố nhựa, quang trùng hợp, sử dụng che tủy trực tiếp, gián tiếp.		Ống	4
39	Thước nội nha	Thước đo trám nội nha. Chất liệu nhựa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	6
40	Vật liệu trám bit MTA hoặc tương đương	Thành phần bao gồm các hạt Trioxide như oxide tricalcium, oxide silicate, oxide bismute và các hạt ưa nước như tricalcium silicate, tricalcium aluminate. Công dụng giúp điều trị các trường hợp nội nha như: che tủy, trám tiêu chân răng, trám chóp tủy, và lũng sản tủy, trám ngược,... Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		tuýp	4
41	Đai nhám kẽ	Sợi nhám kẽ siêu mỏng nhưng rất chắc chắn. Bền chắc dẻo dai với nhiều độ mịn khác nhau. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		gói	4
42	Kẹp giấy cắn	Kẹp giấy cắn, dài 140mm - 155mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	4
43	Khăn giấy sát khuẩn nhanh (vệ sinh dụng cụ nha khoa)	Dạng gạc lưới có tẩm 0,5% Chlorhexidine Acetate. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	100 tờ	hộp	14
44	Bio ceramic sealer trám bit ống tủy	Cement trám bit ống tủy vĩnh viễn với tính tương hợp sinh học cao. Độ pH cao, ưa nước, có khả năng kháng khuẩn cao giúp hạn chế tối đa sự hình thành của vi khuẩn trong ống tủy. Không co, không giãn nở. Độ cản quang cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		ống	2
45	Mặt gương nha khoa	Phản vô bực kim loại, mặt gương sáng bóng dễ dàng thao tác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	190
46	Ống hút phẫu thuật	Ống hút làm bằng nhựa dẻo được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	200
47	Tăm bôi keo	Cọ tăm bông siêu nhỏ dùng để quét keo dán nha khoa sử dụng một lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	100 cái/ hộp	hộp	6
48	Cao su lấy dấu lông	Độ ổn định tốt, tính chảy tốt, hộp 2 hủ hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cặp	24
49	Cao su lấy dấu đặc, vừa	Độ cứng cao, hình thái bền vững, hộp: 2 hủ: nền và chất xúc tác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cặp	18
50	Lentulo (nha khoa)	Dụng cụ nhỏ, có khắc. Được dùng với tay khoan khuy. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	200
51	Thuốc đánh bóng	Bột đánh bóng, có hương trái cây. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	40
52	Khay lấy dấu nhựa	Chất liệu: nhựa. Gồm nhiều kích cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	60
53	Mũi khoan cắt xương (loại Hp, FG)	Làm bằng hợp kim không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	40
54	Chốt sợi thủy tinh các cỡ	Chất liệu composite gia cường sợi thủy tinh, khả năng cản tia X, độ đàn hồi tương tự ngà răng, khả năng dẫn sáng tốt, tăng hiệu quả trùng hợp, nhiều kích cỡ phù hợp với ống tủy. Mỗi size sẽ có 1 loại mũi khoan chuyên biệt. Nhiều đường kính, có mã màu để nhận biết. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	100
55	Mũi khoan chốt sợi	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương. Độ bền cao và sắc. Đánh dấu màu tương ứng với màu trên chốt.		cái	40

Tên danh mục		Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
56	Thăm khám nha khoa 2 đầu	Hộp kim không rỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	100
57	Thuốc diệt tủy răng	An toàn, không chứa arsenic.	3g	lọ	4
58	Bảng so màu răng	Gồm 29 màu, chia 6 nhóm theo độ sáng tối từ 0 đến 5 (0 là sáng nhất, 5 là tối nhất). Mỗi nhóm lại có 3 nhóm tông màu (tiêu chuẩn, sánh vàng, ánh đỏ).		cái	2
59	Dầu bảo quản tay cầm mũi khoan	Có tác dụng làm sạch nhanh, hiệu quả và bôi trơn tất cả các loại tay khoan nhanh, tay khoan chậm, motor hơi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	500ml	Chai	12
60	Thạch cao trắng, vàng	Thạch cao cứng type 4, có độ bền nén cao, giảm mài mòn, cân bằng thixotropy giúp đổ mẫu hàm nhanh, chính xác.		kg	6
61	Chêm các cỡ	Chất liệu mềm dẻo, bề mặt nhẵn bóng, các cạnh được thiết kế phù hợp với không gian kẽ răng, tạo được lực đệm phù hợp.	50 cái/hộp	hộp	6
62	Sáp lá	Sáp lá hồng, mềm dẻo, dễ hình thành và giữ dạng dùng ghi dấu khớp cắn, lên gổi sáp	200g	gói	12
63	Đầu bơm cao su lỏng	Đầu trộn cao su lỏng tỷ lệ 1:1	50 cái/ gói	Gói	4
64	Dung dịch tiết trùng lạnh nha khoa	Dung dịch có thành phần Glutaraldehyde 2% để khử khuẩn mức độ cao, tiết trùng lạnh dụng cụ nha khoa không chịu nhiệt.	5 lít/ can	can	2
65	Cortisolol	Thành phần gồm prednisolone, diiod thymol, kẽm oxit, bari sunfat. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	15 gam/ lọ	Lọ	48
66	Dung dịch bơm rửa ống tủy	Dung dịch bơm rửa ống tủy có tính chất đệm, ổn định độ pH. Kháng khuẩn tốt, phổ diệt khuẩn rộng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Lọ	40
67	Đầu cạo vôi siêu âm các loại	Loại G4, G6, G8 phù hợp hệ EMS		Cái	120
68	Đài cao su đánh bóng	Cao su đánh bóng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	120
69	Composite opaque che màu	Composite dạng lỏng, có đặc tính cân quang và che màu chuyên dụng, quang trùng hợp. Độ cân quang tối thiểu 200 AI. Độ sâu trùng hợp cho một lần đèn đạt tối thiểu 0.5mm tùy thuộc vào thời gian chiếu đèn. Tương thích với các loại đèn quang trùng hợp nha khoa phổ thông (Đèn LED hoặc Halogen) có dải bước sóng trong khoảng 400 - 500nm. Vật liệu có độ nhớt lỏng vừa phải (Flowable), có tính chất thixotropic (tự san phẳng khi có lực bơm và giữ nguyên hình dạng sau khi ngừng bơm). Cung cấp các tông màu che biệt hóa, có khả năng che phủ nền tối/kim loại.		Ông	8
70	Cement trám răng	Vật liệu glass ionomer cement trám hoàn tất. Gồm lọ bột và nước. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Hộp	48
71	Cement gắn cầu mào	Cement glass ionomer resin-reinforced hoặc Resin cement tăng cường lực dán, sử dụng được cho đa dạng các loại phục hình. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Hộp	4
72	Mũi khoan kim cương	Làm bằng hợp kim đầu tác dụng phủ hạt kim cương dùng mài răng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	2000
73	Mũi khoan Gates	Làm bằng hợp kim không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	80
74	Mũi đánh bóng composite	Chất liệu: đá, silicon, kim cương. Công dụng làm mịn và sáng bóng bề mặt miếng trám composite. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	200
75	Ông hút nước bột	Ông hút làm bằng nhựa, sử dụng để hút nước bột trong nha khoa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Cái	8000
Tube xét nghiệm:					
76	Tube Eppendorf 2ml vô trùng	Thể tích: 2ml. Chất liệu: Nhựa PP độ trong suốt cao. Nhiệt độ làm việc từ -80°C đến 121°C không bị biến dạng. Tiết trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	2.400
77	Tube dùng cho máy mẫu lắng tự động SFR13000 hoặc tương đương	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	1.800
78	Giấy chùi kính hiển vi	Chất lượng giấy cao cấp, không làm trầy xước. Bảo vệ bề mặt kính hiển vi. Kích thước: ≥ (9cm x 7cm). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	100 tờ/ hộp	hộp	6
Đầu col có lọc và Tube					
79	Đầu col xanh có lọc 1000µl	Đầu côn/tip có lọc (Filter Tip) giúp ngăn ngừa những cặn và aerosols (Sol khí) có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet, làm giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm chéo không mong muốn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	96 cái/ hộp	Hộp	50
80	Đầu col vàng có lọc 200µl	Đầu côn/tip có lọc (Filter Tip) giúp ngăn ngừa những cặn và aerosols (Sol khí) có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet, làm giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm chéo không mong muốn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	96 cái/ hộp	Hộp	100
81	Đầu col trắng có lọc 20µl	Đầu côn/tip có lọc (Filter Tip) giúp ngăn ngừa những cặn và aerosols (Sol khí) có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet, làm giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm chéo không mong muốn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	96 cái/ hộp	Hộp	40
82	Đầu col vàng có lọc 10µl	Đầu côn/tip có lọc (Filter Tip) giúp ngăn ngừa những cặn và aerosols (Sol khí) có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet, làm giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm chéo không mong muốn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	96 cái/ hộp	Hộp	50
83	Dụng cụ lọc khuẩn cho máy đo hô hấp ký toàn thân(body)	Kích thước (cao x rộng): 84.65 x 97.7 mm Đường kính trong (điểm kết nối với cảm biến): 30 mm. Hiệu quả lọc tối đa 0,027 µm Lọc khuẩn BEF 99,9999% Lọc virus VFE 99,9999% hoặc tương đương.		Cái	60

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
84	Dây máy thở dùng 1 lần	Dây thở silicone sử dụng 01 lần.	1 Sợi/túi	Sợi	40
85	Catheter động mạch đùi có đầu nhân cảm biến áp lực và nhiệt độ	Thiết kế gọn nhẹ, chống tràn và thân thiện với người sử dụng. Thiết kế để theo dõi huyết động học ít xâm lấn. Thiết bị gồm một đầu cảm biến nhiệt tại đầu catheter dùng trong phương pháp pha loãng nhiệt qua phổi. Có nòng thứ hai để đo huyết áp động mạch. Chất liệu được làm bằng Polyurethane. Đường kính vòng ngoài: khoảng 5F. Chiều dài: $\geq 200\text{mm}$. Dây dẫn: Đường kính khoảng 0.53 mm/ chiều dài khoảng 600mm. Đường kính và chiều dài của cannul: Đường kính 18G/ chiều dài khoảng 80 mm. Đường kính 20G/ chiều dài khoảng 55 mm. Que nong mạch: Đường kính ngoài khoảng 1.8 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	01 cái/ hộp	Cái	20
86	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	Theo dõi huyết áp động mạch. Theo dõi cung lượng tim chính xác cùng với catheter PiCCO. Cảm biến áp lực được thiết kế trong suốt để dàng kiểm tra. Chất liệu: Polycarbonate (PC), Polyethylen (PE), Silicone (SI), Polyvinylchlorid (PVC), ABS, Hệ thống xả: Tốc độ $\geq 3\text{ml/h}$ với áp lực $\geq 300\text{mmHg}$ trong túi xả (xả nhanh $> 2\text{ml/s}$), Chiều dài dây đo huyết áp màu đỏ dài $\geq 150\text{cm}$	01 cái/ hộp	Cái	20
87	Gel tiếp xúc để đo điện não	Dùng cho các hệ thống máy điện não và máy điện cơ. Được dùng kèm với điện cực cup hoặc điện cực đĩa. Dùng để tăng độ dẫn truyền cho điện cực		hộp	8
88	Gel tẩy da Nurep hoặc tương đương	Dùng cho các hệ thống máy điện cơ, điện não. Giúp tẩy sạch tế bào chết của da bệnh nhân, làm giảm trở kháng, giảm nhiễu khi ghi tín hiệu điện cơ, điện não		lọ	4
89	Điện cực tim	Chuyên dụng cho máy Điện não đồ 64 kênh		Cái	700
90	Điện cực đất loại dán	Loại bản cực đôi, diện tích dẫn diện $125\text{-}135\text{cm}^2$. Tổng diện tích: $185\text{-}195\text{cm}^2$. Kích thước: $(180 \times 120\text{mm}) \pm 10\%$. Cấu tạo gồm 4 lớp: Tấm đệm: được làm bằng P.E với một chất kết dính cho y tế ở phía dưới, uốn cong linh hoạt. Màng nhôm dẫn điện. Hydro-gel: phần tiếp xúc trực tiếp với da có độ linh hoạt rất giống mô tự nhiên: Giúp cải thiện độ dẫn điện, giảm trở kháng của da, giảm thiểu nguy cơ bỏng vùng đệm và có thể duy trì mật độ dòng điện cao; Độ bám dính tối ưu giữa da và tấm điện cực. Lớp lót: được làm bằng PET. Mặt tiếp xúc với điện cực được phủ một lớp silicone, giúp dễ dàng lấy điện cực ra. Không chứa mù cao su thiên nhiên. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.		Cái	30
91	Điện cực kim 26Gx1.5" hay 26Gx2.0"	Dài 1,5"-2", đường kính 26G(0.46mm). Lớp phủ Silicone và siêu sắc, với thiết kế 3 đầu nhọn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp/25 Cây	Cây	50
92	Đầu đốt cuốn mũi dưới	Đầu đốt cuốn mũi bằng công nghệ Plasma dùng cho máy Coblator. Đường kính đầu cắt 2.9mm, được thiết kế có đường nước để làm giảm phi đại niêm mạc mũi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	10
93	Nắp trocar cỡ 5,5mm dùng cho mô nội soi	Chất liệu: Cao su. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	10
94	Nắp van su hình phễu dùng cho troca 5.5 mô nội soi	Chất liệu cao su, hình phễu đường kính 5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	20
95	Dụng cụ cắt nối thẳng tự động dùng trong kỹ thuật cắt bao quai đầu	Cắt bao quy đầu. Chiều cao ghim $3,3 \pm 0,5$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái/ Hộp	Cái	10
96	Kim sinh thiết tuyến tiền liệt	Kim sinh thiết tuyến tiền liệt tự động dùng 1 lần size 18 Gauge x 20cm (tham khảo; MC1820 MaxCore® Disposable Core Biopsy Instrument, 18g x 20cm , NSX BARD)		cái	10
97	Bộ catheter lọc máu dài hạn có van khóa khí tự động	Bộ catheter đường hầm dùng trong lọc máu dài hạn. - Chất liệu catheter bằng polyurethane, có cản quang. - Chiều dài từ đầu tip đến cuff là 19-27 cm, đường kính trong khoảng từ 14Fr đến 15.5Fr. - Catheter thiết kế vòng bít chống đi ngược dòng. - Tốc độ dòng chảy 300-500 ml/phút. - Các bộ phận đi kèm: 01 thông luôn catheter, cây tạo đường hầm, 01 dây dẫn, nắp dây, ống thông. -Tiệt khuẩn. - Tỷ lệ tái lọc $\leq 2\%$; van khóa khí tự động ngăn ngừa truyền tắc khí và máu trào ngược.	Hộp/ 5 cái	Cái	10
98	Ống nối đặt nội khí quản	Dùng để nối giữa cút chữ Y và thiết bị đường thở. Dạng ống nhân hoặc ống có khả năng co giãn/kéo dài linh hoạt. Chiều dài nằm trong khoảng từ 13cm đến 20cm. Đầu nối tiêu chuẩn quốc tế, gồm một đầu 22mm Male / 15mm Female và một đầu 15mm Male. Có tích hợp cổng hút đờm/nội soi với nắp dây an toàn. Vật liệu nhựa dùng trong y tế, không chứa DEHP. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc Gamma.		Cái	50

Tên danh mục		Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
99	Kim đầu tù dùng trong gây tê vùng	Loại đầu vát ngắn (Short bevel) với góc vát trong khoảng 30 - 45° hoặc cấu trúc đầu tù tương đương giúp tăng cảm giác tay và hạn chế tổn thương thần kinh. Thân kim được phủ lớp vật liệu cách điện hoàn toàn, đảm bảo chỉ dẫn truyền dòng điện tại vị trí đầu kim. Thân kim có xử lý bề mặt (bằng công nghệ khắc laser, dập nổi hoặc tương đương) giúp tối ưu hóa khả năng phân xạ sóng siêu âm dưới các góc tiếp cận khác nhau. Tích hợp sẵn dây kết nối với máy kích thích thần kinh cơ và đường truyền dịch/thuốc tê có đầu nối Luer Lock tiêu chuẩn. Kích cỡ: Dao động từ 20G đến 22G; Chiều dài từ 40mm đến 120mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE/ FDA.		Cái	200
100	Dầu xịt bảo quản dụng cụ	Gốc dầu trắng y tế (Paraffin/White oil) đạt tiêu chuẩn tinh khiết hoặc tương đương. Không chứa silicone, không tạo vết ố, không tạo màng bám cứng trên bề mặt dụng cụ sau khi tiết khuẩn. Lớp màng dầu bôi trơn phải cho phép hơi nước xuyên thấu, không làm ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình tiết khuẩn. Khả năng chịu nhiệt độ cao tối thiểu 134°C. Sản phẩm được chứng nhận an toàn sinh học không gây kích ứng. Chai dạng xịt, dung tích tối thiểu 300ml		Chai	2
101	Bộ dây tưới rửa cho hệ thống BoneScalpel	Tương thích hoàn toàn về mặt cơ khí và vận hành với hệ thống máy cắt xương siêu âm BoneScalpel. Đoạn dây tại vị trí ép của bơm nhu động có độ đàn hồi cao, chịu được lực ép liên tục của con lăn bơm để duy trì lưu lượng tưới rửa ổn định theo cài đặt của máy chính. Sản phẩm sử dụng một lần, được tiết khuẩn sẵn bằng phương pháp phủ hợp (EO/Gamma), đóng gói vô trùng từng bộ riêng biệt. Chế tạo từ nhựa y tế chuyên dụng, không chứa các chất độc hại gây kích ứng mô.		Bộ	85
102	Túi bơm áp lực loại 0,5 lit	Dung tích 0,5 lit. Có đồng hồ hiển thị áp suất (khoảng đo tối thiểu từ 0 - 300 mmHg) HOẶC có cơ chế/vạch chỉ thị áp suất an toàn mã hóa bằng màu sắc trực quan, giúp dễ dàng quan sát từ nhiều góc độ. Dạng lưới nhựa/nylon bền chắc hoặc dạng nhựa y tế trong suốt, cho phép nhân viên y tế quan sát rõ ràng lượng dịch và loại dịch truyền bên trong. Gồm van xả áp (hoặc khóa ba ngã) và bóng bóp khí bằng chất liệu đàn hồi tốt, cho khả năng bơm căng nhanh chóng và duy trì áp lực ổn định, chống rò rỉ khí. Không chứa latex. Có thể tái sử dụng nhiều lần. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	3
103	Mask thở silicon người lớn	Chất liệu silicone y tế cao cấp, mềm mại, độ đàn hồi cao; không chứa thành phần cao su tự nhiên (Latex-free). Thân mặt nạ có độ trong suốt cao, cho phép nhân viên y tế quan sát rõ ràng vùng mũi, miệng và các chất tiết (nếu có) của bệnh nhân trong quá trình thao tác. Cỡ dành cho Người lớn, bao phủ kín vùng mũi và miệng. Đạt tiêu chuẩn kết nối quốc tế ISO 5356-1 (hoặc tương đương) với kích thước công nối tiêu chuẩn (22mm Female / 15mm Male hoặc tương đương), tương thích hoàn toàn với các loại bóng bóp cứu thương và dây thở tiêu chuẩn. Loại sử dụng nhiều lần (Reusable), chịu được quy trình làm sạch và tiết khuẩn bằng phương pháp hấp ướt (Autoclave) ở nhiệt độ tối thiểu từ 121°C đến 134°C mà không bị biến tính hay giảm độ đàn hồi.		Cái	5
104	Túi đựng oxy 50 lit	Dung tích 50 lit. Chất liệu nhựa y tế cao cấp hoặc tương đương, có độ bền cơ học cao, chống bục rách khi bơm căng, không chứa Latex. Tích hợp sẵn hệ thống van cơ học bằng nhựa cứng, đảm bảo độ kín tuyệt đối, chống rò rỉ khí ra sau khi nạp.		Cái	1
105	Đai ngực bụng Rip	Dây đai đo nỗ lực hô hấp bằng công nghệ cảm ứng điện từ (Respiratory Inductance Plethysmography - RIP) để ghi nhận cử động hô hấp vùng ngực và bụng, theo tiêu chuẩn AASM. Tương thích hoàn toàn (kết nối trực tiếp hoặc thông qua cáp chuyển đổi đi kèm) với hệ thống máy đa ký giấc ngủ Nox A1s hiện có của đơn vị, đảm bảo không bị suy giảm hay nhiễu tín hiệu, loại dùng nhiều lần. Có nhiều kích cỡ lựa chọn cho người lớn đáp ứng chu vi vòng cơ thể tối thiểu từ 40 cm đến tối thiểu 130 cm. Chất liệu vải dệt mềm mại, thoáng khí, co giãn tốt, không gây kích ứng da khi tiếp xúc liên tục trong thời gian dài (8-10 tiếng), chất liệu chịu được các quy trình làm sạch, khử khuẩn y tế thông thường (giặt tay bằng xà phòng trung tính, lau cồn hoặc tương đương) mà không làm mất tính đàn hồi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA hoặc tương đương.		Cái	10
106	Paste gắn điện cực	Dùng để bôi và cố định các loại điện cực (như điện cực cốc, điện cực đĩa...) lên da/da đầu; tăng cường khả năng dẫn điện và giảm trở kháng trong các kỹ thuật đo EEG, PSG, EP hoặc tương đương. Dạng kem hoặc gel đậm đặc, có độ bám dính cao giúp giữ điện cực ổn định liên tục trong thời gian đo dài hoặc qua đêm; tan hoàn toàn trong nước giúp dễ dàng làm sạch sau khi sử dụng. An toàn, không gây kích ứng da và niêm mạc. Dạng hũ hoặc tuýp, trọng lượng mỗi đơn vị đóng gói tối thiểu từ 100g đến 250g (hoặc tương đương) phù hợp cho nhu cầu sử dụng lâm sàng hàng ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA hoặc tương đương.		Tuýp	5
107	Dây oxy 2 lĩ chuyên dụng	Có đầu vận để gắn vào máy Điện não đồ 64 kênh. Chiều dài ≥ 180cm. Loại Đầu luer dục.		Cái	50
108	Gel tiếp xúc để đo điện não	Dùng cho các hệ thống máy điện não và máy điện cơ. Được dùng kèm với điện cực cup hoặc điện cực đĩa. Dùng để tăng độ dẫn truyền cho điện cực		hộp	8

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
109	Điện cực dán CNDDT (máy điện cơ)	Có độ dính tốt, diện tích miếng dán nhỏ.	12 cái/ gói	cái	120
110	Kẹp clip cầm máu nội soi	Clip cầm máu dùng trong nội soi sử dụng 01 lần loại liền cán.		cái	160
111	Súng sinh thiết lõi mô mềm tái sử dụng	Thân súng làm bằng vật liệu hợp kim hoặc thép không gỉ y tế cường độ cao; chịu được các quy trình tiệt khuẩn/hấp tiệt trùng thông thường. Cơ chế bắn bằng hệ thống lò xo lực lớn, tự động cắt và lấy lõi mô tốc độ cao; kích hoạt bắn bằng cò hoặc nút bấm trên thân thiết bị. Hỗ trợ đa dạng các cỡ kim: Tối thiểu từ 14G đến 20G, chiều dài kim: Có nhiều lựa chọn chiều dài phù hợp với vị trí tổn thương, tối thiểu từ 10cm đến 30cm. Có khả năng điều chỉnh tối thiểu 02 mức hành trình xuyên thấu (chiều dài nấc cắt) trong khoảng từ 10 mm đến 25 mm để phù hợp với độ sâu của mô. Đầu mũi kim được thiết kế vát sắc nhọn để giảm sang chấn; có tính năng tăng cường phản xạ sóng siêu âm (Echogenic) để định vị rõ ràng dưới siêu âm. Có vạch chia khoảng cách bằng cm (hoặc dấu chỉ báo độ sâu) dọc theo thân kim để kiểm soát độ sâu khi đâm kim. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA hoặc tương đương		Bộ	2
112	Kim sinh thiết	Kim làm bằng thép không gỉ y tế chuyên dụng, đường kính kim 18G. Kim có thiết kế phần đuôi định vị. Tương thích với hệ thống súng sinh thiết lõi mô mềm tái sử dụng.		Cái	12
113	Bộ nhuộm tiêu bản	Bộ nhuộm lam gồm: 02 giá chứa tiêu bản 24-25 tiêu bản/giá, 12 bể chứa hóa chất nhuộm bằng nhựa có nắp kín, chống ăn mòn hóa chất; thể tích bể chứa hóa chất 300ml hoặc tương đương	12 hộp/bộ	Bộ	2
114	Bộ mở da dây qua da	Chất liệu: Cao su tổng hợp. Tiêu chuẩn ISO13485, FDA hoặc tương đương.		Bộ	5
115	Que lấy mẫu đầu chồi nhựa PT	Chất liệu: Nhựa PP+ đầu chồi sợi Nylon/PT, Chiều dài: 150mm-180mm; Đóng gói 1que/gói. Tiệt trùng: EO hoặc Gamma	100 que/hộp	Hộp	2
116	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi trong phẫu thuật nội soi chiều dài 60mm	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi thay được nạp ghim, có khả năng xoay và gấp góc, chiều dài đường cắt khoảng 60mm, đường kính cán 12mm, chiều dài cán 30cm-35cm, gấp góc tối đa mỗi bên 45 độ, hàm đe bằng thép đúc không gỉ. Hệ thống cắt tích hợp lưỡi dao mới cho mỗi lần thay nạp ghim. Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng, đảm bảo đường cắt sắc gọn. Có cơ chế nén mô chủ động hoặc sử dụng các hàng ghim có độ cao khác nhau để tối ưu hóa việc cầm máu và nuôi dưỡng mô. Độ mở hàm tối thiểu 22mm		Cái	4
117	Băng dán, ghim khâu dùng trong phẫu thuật dài 60mm	Băng ghim phù hợp cho dụng cụ khâu cắt nối trong phẫu thuật nội soi chiều dài 60mm. Có cơ chế hoặc thiết kế bề mặt giúp giữ mô cố định, hạn chế sự dịch chuyển mô trong quá trình đập ghim, có nhiều mã màu, mỗi mã màu đại diện cho từng độ dày mô khác nhau. Có tối thiểu 6 hàng ghim làm bằng hợp kim titanium, tương thích sinh học. Có nhiều chiều cao ghim mở từ 2,0mm đến 4,5mm. Tương ứng với chiều cao ghim đóng từ 1,0mm đến 2,0mm. Số lượng ghim tối thiểu ≥88 ghim.		Cái	16
118	Keo dán da ống 0,5ml	Keo dán da thành phần 2-octyl cyanoacrylate. Ống 0,5ml.		Ống	20
119	Miếng lưới và thoát vị ben/thành bụng (Tấm màng nâng phục hồi thành bụng) cỡ 6cmx11cm	Lưới điều trị thoát vị Polypropylene 6cm x 11cm. Lưới có trọng lượng 90g/m ² , độ dày lưới từ: 0.54 ± 10%, giới hạn lực đến 12kg/cm ² , độ bền kéo tuyến tính ≥ 15Kg, kích thước lỗ 0.8mm, số lượng lỗ 16/inch. Tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương.		Cái	100
120	Nong thực quản	Được thiết kế với đầu tip mềm, linh hoạt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	2
121	Dây dẫn truyền sóng viba Avecure MW-signal Extension cable Set	Dây dẫn truyền sóng Viba tương thích với máy Avecure. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp/1 sợi	sợi	2
122	Kim đốt sóng cao tần loại nhỏ, dài khoảng 15cm, kim khoảng 16G (sử dụng công nghệ MWA)	Kim đốt cỡ nhỏ 16 G loại dùng cho vi sóng cỡ 15 cm. Có cảm biến nhiệt ở đầu kim. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp/1 cái	cái	2
123	Kim đốt sóng cao tần loại trung bình (sử dụng công nghệ MWA), kích thước khoảng 14G/15cm	Kim đốt cỡ trung bình 14G loại dùng cho vi sóng cỡ 15 cm. Có cảm biến nhiệt ở đầu kim. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp/1 cái	cái	4
124	Kim đốt sóng cao tần cỡ mini dùng cho máy đốt vi sóng khoảng 16G/10cm	Kim đốt cỡ mini 16G dùng cho máy đốt vi sóng cỡ 10cm. Có cảm biến nhiệt ở đầu kim. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp/1 cái	cái	4
125	Kim đốt sóng cao tần cỡ nhỏ dùng cho máy đốt vi sóng khoảng 16G/15cm	Kim đốt cỡ nhỏ 16G dùng cho máy đốt vi sóng cỡ 15cm. Có cảm biến nhiệt ở đầu kim. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp/1 cái	cái	2
126	Điện cực cầm máu lưỡng cực, đầu hình cầu, các cỡ	Tương thích cho máy nội soi cắt đốt tiền liệt tuyến IMAGE 1S. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	2

Tên danh mục		Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
127	Phim CT Scanse 35 x 43cm	Phim khô laser kích thước 35x43cm. Thành phần PET 85-95%, polymers 1-10%, organic silver 1-10%, gelatine 1-10%, additives 0,1-15%, silver halides 0,05-1%. Tương thích với máy Fujifilm Drypix 8000	100 tờ	hộp	500
128	Phin lọc khi Thân nhân tạo	Màng lọc kích thước 0,2 micron. Tiệt trùng bằng Ethylen Oxide.	100 cái/hộp	Cái	100
129	Quả lọc Diacap Ultra hoặc tương đương	Chất liệu màng lọc: Polysulfone. Sử dụng để lọc vi khuẩn và chất gây sốt. Tương thích với máy B.Braun.		Quả	20
130	Tay cầm kim sinh thiết nóng	Phù hợp với máy nội soi Olympus		Cái	2
131	Que chỉ thị hóa học dùng cho máy Plasma	Phù hợp cho máy PlazMax Tuttinauer	250 que/ hộp	Hộp	4
132	Băng thử hóa học (18mmx50m)	Kích thước: 18mm x 50m, Phù hợp cho máy PlazMax Tuttinauer	Hộp 2 cuộn	cuộn	14
Hóa chất xét nghiệm					
133	Que thử nước tiểu 10 thông số Multitis 10SG	Dùng để đo bán định lượng bạch cầu, keton, nitrit, urobilinogen, bilirubin, protein, glucose, trọng lượng riêng, máu và pH trong nước tiểu. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương. Sử dụng được cho máy nước tiểu CLINITEK Advantus	Hộp/ 100 test	Hộp	240
134	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH3-UL	Mục đích sử dụng: dùng trong xét nghiệm định lượng hormone kích thích tuyến giáp (TSH, thyrotropin) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và heparin). - Thành phần: + Thuốc thử Lite: Albumin huyết thanh bò (BSA) kết hợp với kháng thể kháng TSH đơn dòng (~0,3 µg/mL) đánh dấu acridinium ester trong dung dịch muối đệm chất HEPES; IgG chuột; BSA; huyết thanh dê; chất hoạt tính bề mặt; các chất bảo quản + Pha rắn: Kháng thể kháng fluorescein đơn dòng được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ (~85 µg/mL) trong muối đệm HEPES; BSA; huyết thanh dê; chất hoạt tính bề mặt; các chất bảo quản + Thuốc thử phụ trong giếng: FITC liên hợp với kháng thể kháng TSH đơn dòng (~3 µg/mL) trong muối đệm HEPES; IgG chuột; BSA; huyết thanh dê; chất hoạt tính bề mặt; các chất bảo quản + Lô chất hiệu chuẩn TSH3-UL CAL: Sau khi hoàn nguyên, nồng độ hormone kích thích tuyến giáp (TSH) cao và thấp trong đệm HEPES; huyết thanh ngựa; natri azit ($\leq 0,1\%$); các chất bảo quản	500 Tests	hộp	5
135	Hóa chất định lượng HbA1c dùng cho hệ thống phân tích Hemoglobin tự động	Khả năng thực hiện xét nghiệm: xác định định lượng Hemoglobin A1c (IFCC mmol/mol và NGSP %) trong máu toàn phần của người sử dụng trên hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao trao đổi ion (HPLC). Chứa đầy đủ các thành phần cho 400 xét nghiệm, bao gồm 02 bình chất đệm Buffer 1 chứa 2000 ml Bis-Tris/Phosphate, 01 bình chất đệm Buffer 2 chứa 1000 ml Bis-Tris/Phosphate, 01 bình chất rửa/pha loãng chứa 1600 ml nước khử ion, cột phân tích xử lý được 400 xét nghiệm kích thước 4.0 mm ID x 40 mm, 01 đĩa CD ROM, 01 bộ chất hiệu chuẩn/pha loãng, 01 bộ mẫu mỗi, 01 bộ ống mẫu (50 ống 1.5 ml) và 01 cuộn giấy in. Phù hợp với máy IonEX.	400 test	Hộp	16
136	Anti HBe test nhanh	Xét nghiệm định tính kháng thể kháng HBe, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		test	160
137	HBeAg - Anti HBeAg -EIA	Xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) để xác định kháng thể và kháng nguyên "e" của virus viêm gan B trong huyết tương và huyết thanh người. Bộ xét nghiệm được dùng để theo dõi tình trạng nhiễm cấp tính của các bệnh nhân mạn tính đang điều trị. Chỉ dùng cho chẩn đoán "in vitro"	96 test/ hộp	hộp	8
138	HBsAg test nhanh	Xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp 40 test	test	800
139	Thẻ định nhóm máu ABO tại giường	Kháng thể đơn dòng đã được đông khô, có màu khác nhau, gắn sẵn vào các vị trí tương ứng trên tấm card. Có phần ghi thông tin bệnh nhân, túi máu, lưu trữ được.		thẻ	5000
140	Kim chọc tủy 01 lần	Thiết bị sử dụng một lần để lấy dịch tủy xương với độ chính xác cao.		cái	100
141	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cystatin C	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cystatin C; Thành phần: Cystatin C Latex Reagent chứa hạt latex phủ kháng thể (đề kháng Cystatin C người 0,5%, Natri azid 0,95 g/L, Đệm glycine (pH 7,3); Cystatin C Buffer chứa Muối đệm phosphat, (pH 7,43), Chất tẩy rửa 0,5 %; Phương pháp: Miễn dịch đo độ đục; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Dải đo: 0 – 10 mg/L; Giới hạn phát hiện: 0,08 mg/L; Độ lặp lại: CV $\leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 4\%$	2x25mL Buffer, 1x10mL Latex	Hộp	8
142	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Cystatin C	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Cystatin C; Thành phần: Huyết thanh người, natri azid 0,095 %	1x2mL	Hộp	4
143	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Cystatin C	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Cystatin C; Thành phần: Huyết thanh người, natri azid 0,095 %	6x2mL (2 Levels)	Hộp	4
144	Kháng thể kháng Sm (Anti Sm)	Xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) dùng để định lượng hoặc định tính tự kháng thể IgG kháng tự kháng nguyên Sm trong huyết tương và huyết thanh người.	hộp/ 96 test	hộp	8

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
145	Kháng thể kháng dsDNA (Anti-dsDNA)	Xét nghiệm miễn dịch Enzyme (ELISA) để định lượng/định tính kháng thể tự miễn IgG kháng DNA mạch đôi (dsDNA) trong huyết thanh và huyết tương người	hộp/ 96 test	hộp	8
146	EBV IgM- EIA	Xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) để định lượng hoặc định tính các kháng thể IgM với Kháng nguyên Capsidic của virus Epstein Barr (EBV) trong huyết tương và huyết thanh người	hộp/ 96 test	hộp	5
147	CMV IgM - EIA	Xét nghiệm miễn dịch Enzyme (ELISA) để xác định kháng thể lớp IgM kháng Cytomegalovirus hoặc CMV trong huyết tương và huyết thanh người	hộp/ 96 test	hộp	5
148	TPHA	Dùng để chẩn đoán xác định bệnh Giang mai. Sản xuất tại Châu Âu hoặc Mỹ hoặc Châu Á. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 100%.	100 test/ hộp	Hộp	6
149	Sabouraud Chloramphenicol agar	Môi trường pH axit để phân lập các loại nấm và nấm men khác Thông số kỹ thuật: Thành phần (g/l): Mycological peptone 10.0, Glucose (dextrose) 40.0, Chloramphenicol, Agar 15.0 - pH 5.6 ± 0.2 tại 25°C Sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Môi trường chọn lọc chuyên dùng để nuôi cấy và phân lập nấm (nấm men, nấm mốc), có bổ sung kháng sinh Chloramphenicol, Gentamycin hoặc Cycloheximide nhằm ức chế vi khuẩn ngoại nhiễm, giúp thu được kết quả chính xác.	500 gam/hộp	Hộp	3
150	Chỉ thị sinh học hấp thụ diệt trùng	Chỉ thị sinh học dành cho tiệt khuẩn hơi nước chưa bão hòa từ Geobacillus stearothermophilus, ống dịch môi trường nuôi cấy bảo tồn chỉ thị pH	100 ống/hộp	ống	200
151	Elecsys Testosterone II	Bộ thuốc thử được dán nhãn TESTO II. Gồm M vi hạt phủ, R1 anti-testosterone-Ab và R2 Testosterone-peptide. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	100 test	Hộp	5
152	Testosterone II CalSet II	Gồm 2 loại TESTO cal 1 và TESTO cal 2 mỗi loại 2 chai. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	4 x 1.0 mL	Hộp	2
153	Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn gram âm có colistin (kỹ thuật vi pha loãng)	Khay 96 giếng và được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD). Mỗi khay được nhỏ liều kháng sinh ở độ pha loãng thích hợp và được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm theo gói hút ẩm silica gel. Khay kháng sinh đồ Sensititre dành cho vi khuẩn Gram âm với Colistin, Ceftazidime/Avibactam và Ceftolozane/Tazobactam. Thành phần kháng sinh: Colistin, Piperacillin/tazobactam liều cố định 4, Ceftolozane/tazobactam 4, Ceftazidime/avibactam, Meropenem.	Hộp/10 khay	Hộp	30
154	Nước khử khoáng vô trùng	Nước khử khoáng là môi trường pha loãng các vi sinh vật được phân lập từ các mẫu lâm sàng, để thử nghiệm độ nhạy cảm với kháng sinh và xác định định tính trong in vitro. Thành phần: Nước khử khoáng. Đóng gói: 100 ống x 5 mL/hộp	Hộp/100 ống	Ống	300
155	Môi trường canh thang Muler Hilton (Kháng sinh đồ vi pha loãng)	Môi trường canh thang Mueller Hinton có điều chỉnh cation và bổ sung đệm TES (CAMHBT). Thành phần: Dung dịch chứa các ion canxi, ion magiê, canh thang Mueller Hinton và đệm TES. Đóng gói 11ml trong ống có nắp vận chuyển chất liệu borosilicate.	Hộp/100 ống	Ống	300
156	Xét nghiệm sàng lọc gen kháng Carbapenem và Colistin(bằng phương pháp realtime PCR)	Bộ xét nghiệm dùng để xác định các carbapenemases Ambler loại A, B và D chính chịu trách nhiệm kháng kháng sinh carbapenem và gen kháng colistin ở vi khuẩn họ Enterobacteriaceae và vi khuẩn Gram âm không lên men đường - Master mix pha sẵn, chứa thành phần dUTP/UNG giúp ngăn chặn nguy cơ nhiễm từ lần khuếch đại trước. - Nguồn mẫu: Mẫu phết trực tràng và khuẩn lạc vi khuẩn. - Giới hạn phát hiện (LOD): 8.8 - 21.7 copies/phản ứng (đối với IMP, VIM, NDM) 1.5 - 13.3 copies/phản ứng (đối với KPC, OXA-48-like, mcr1, 2, 4) - Độ đặc hiệu chẩn đoán: 100% (đối với IMP, VIM, NDM); 96.9 - 98.9% (đối với KPC, OXA-48-like, mcr1, 2, 4) - Độ nhạy chẩn đoán: 100%. - Độ chính xác: + 100% (đối với IMP, VIM, NDM) + 97.5 - 99.0% (đối với KPC, OXA-48-like, mcr1, 2, 4) - Thành phần phản ứng: Carba A+D Real-time mix, Carba B Real-time mix, Đối chứng dương Carba A+D, Đối chứng dương Carba B. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD, Xuất xứ: G7.	50 tests/bộ	test	500
157	Bộ hóa chất ly trích và tinh sạch DNA bộ gen, DNA/RNA virus, DNA vi khuẩn bằng công nghệ cột lọc.	Bộ kit dùng ly trích và tinh sạch DNA bộ gen, DNA/RNA virus, DNA vi khuẩn bằng công nghệ cột lọc từ nhiều nguồn mẫu. Có Carrier RNA hỗ trợ tách chiết. - Nguồn mẫu: da nguồn mẫu (huyết tương, huyết thanh, dịch cơ thể không tế bào, các loại mẫu phết, mẫu đờm, dịch rửa phế quản, dịch tiết khí quản, mẫu vi khuẩn nuôi cấy, dịch nội mô phân, dịch não tủy, dịch nội mô nuôi cấy tế bào, mẫu máu tươi đông lạnh, mô sinh thiết, nước tiểu). - Thông số kỹ thuật: Khả năng tách chiết từ 100 ul máu tươi, 200 ul huyết thanh/ huyết tương/nước tiểu dịch não tủy (CSF)/ dịch nội mô... Hiệu suất thu hồi DNA genome từ máu toàn phần: 1 ug DNA. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD	250 test/Bộ	test	500

Tên danh mục		Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
Bộ hóa chất, vật tư cho máy đông máu					
158	Hóa chất đo thời gian PT dành cho máy phân tích đông máu	Hóa chất để xác định thời gian prothrombin (PT) và định lượng fibrinogen trong huyết tương người trên máy xét nghiệm đông máu tự động. Hoá chất với độ nhạy ISI trung bình đạt 1,00. Độ tuyến tính với Fibrinogen tối thiểu thuộc 60 - 700 mg/dL. Dạng Bột khô và chất bảo quản và đệm. Thành phần tối thiểu chứa: yếu tố mô người tái tổ hợp, phospholipid tổng hợp, canxi clorua. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) tối thiểu từ 10 ngày ở nhiệt độ 2-8 độ C và tối thiểu từ 10 ngày ở 15 độ C trên máy. Chứng nhận chất lượng CE, ISO (13485)	5 x 20 mL+5 x 20 mL	Hộp	16
159	Hóa chất đo thời gian APTT dành cho máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian APTT đóng gói kèm theo Calcium Chloride. Dạng Lồng. Thành phần tối thiểu chứa silica keo, phospholipid tổng hợp, đệm và chất bảo quản. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) tối thiểu từ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, tối thiểu từ 10 ngày nhiệt độ 15 độ C trên máy. Chứng nhận chất lượng CE, FDA, ISO (13485)	5 x10 mL+5 x10 mL	Hộp	16
160	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Fibrinogen, theo phương pháp Clauss trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Fibrinogen-Clauss. Dạng Bột khô. Thành phần tối thiểu chứa: thrombin nguồn gốc bò. Độ tuyến tính tối thiểu 35 mg/dL và tối đa 1000 mg/dL. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) tối thiểu từ 3 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, tối thiểu từ 3 ngày nhiệt độ 15 độ C trên máy. Đóng gói: 20 mL (hoặc tương đương) Chứng nhận chất lượng CE, FDA, ISO (13485)	10 x2 mL	Hộp	16
161	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng D-Dimer, theo phương pháp miễn dịch latex trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng D-Dimer theo phương pháp miễn dịch độ đục thực hiện trên máy xét nghiệm đông máu, loại trừ khả năng mắc thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch (VTE). Ngưỡng xét nghiệm tối thiểu từ 500 ng/mL, độ nhạy tối thiểu từ 99.99%, độ đặc hiệu trung bình đạt từ 40%, độ tuyến tính tối thiểu thuộc 215 - 128000ng/ml (chế độ auto rerun) và giá trị tiên lượng âm tính (NPV) đạt 100%. Hóa chất kèm theo chất đệm (hoặc chất pha loãng) và chất chuẩn. Dạng Lồng. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp): hóa chất Latex tối thiểu từ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, tối thiểu từ 7 ngày nhiệt độ 15 độ C trên máy. Chứng nhận chất lượng CE, ISO (13485)	3x4 mL+ 3x6 mL +2x1 mL	Hộp	16
162	Chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng D-Dimer (dv: FEU ng/mL) trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng D-Dimer, gồm 2 mức nồng độ ngưỡng và nồng độ bất thường, thực hiện trên máy xét nghiệm đông máu. Dạng Lồng. Thành phần tối thiểu chứa D-Dimer có nguồn gốc từ fibrin người. Thời gian ổn định: tối thiểu từ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ , tối thiểu từ 24 giờ nhiệt độ 15 độ trên máy. Chứng nhận chất lượng CE, ISO (13485)	5x1 mL+5x1 mL	Hộp	4
163	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch trên hệ thống máy đông máu tự động	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch trên hệ thống máy đông máu tự động. Thành phần tối thiểu chứa acid clohydric 100 mmol/L. Đóng gói: 500 mL (hoặc tương đương) Chứng nhận chất lượng CE, FDA, ISO (13485)	1 x 500 mL	Hộp	10
164	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm trên hệ thống máy đông máu tự động	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm trên hệ thống máy đông máu tự động. Thành phần tối thiểu chứa dung dịch natri hypoclorit. Đóng gói: 80ml (hoặc tương đương) Chứng nhận chất lượng CE, ISO (13485)	1 x 80 mL	Hộp	10
165	Hóa chất dùng để pha loãng trên hệ thống phân tích đông máu	Hóa chất dùng để pha loãng xét nghiệm chuẩn máy trên máy xét nghiệm đông máu. Dạng Lồng. Thành phần tối thiểu có chứa natri chloride và natri azide. Đóng gói: 100 mL (hoặc tương đương) Chứng nhận chất lượng CE, FDA, ISO (13485)	1 x 100 mL	Hộp	16
166	ACL TOP Cuvette	Công phản ứng dùng trên hệ thống máy đông máu tự động bằng phương pháp đo quang. Đóng gói: Hộp 2400 cuvette (600 dài x 4 công) Thành phần: nhựa polystyrene Chứng nhận chất lượng CE, ISO (13485)	2400 cuvette	Hộp	16
167	Hóa chất dung dịch dùng để xúc rửa trên hệ thống phân tích đông máu tự động	Hóa chất dung dịch dùng để xúc rửa trên hệ thống phân tích đông máu tự động. Thành phần tối thiểu chứa 2-Methyl-4-isothiazolin-3-one hydrochloride (MIT HCl). Đóng gói: 4L (hoặc tương đương) Chứng nhận chất lượng CE, FDA, ISO (13485)	1 x 4000 mL	Bình	6
168	Chất chuẩn dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT, Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C. Dạng đông khô. Thành phần tối thiểu: chứa huyết tương người. Thời gian ổn định: tối thiểu từ 24 giờ ở nhiệt độ 2-8 độ C với xét nghiệm PT, APTT, Fibrinogen, TT, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein C và Protein S, tối thiểu từ 8 giờ ở nhiệt độ 2-8 độ C với các xét nghiệm yếu tố Chứng nhận chất lượng CE, FDA, ISO (13485)	10 x 1 mL	Hộp	6
169	Chất kiểm chuẩn mức bình thường dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C, Hepatoconplex ở dải do bình thường. Dạng Bột khô. Thành phần tối thiểu chứa huyết tương người. Thời gian ổn định tối thiểu 24 giờ với xét nghiệm PT, APTT, Fibrinogen, TT hoặc tối thiểu từ 8 tiếng với xét nghiệm Hepatoconplex. Chứng nhận chất lượng CE, FDA, ISO (13485)	10 x 1 mL	Hộp	6

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
170	Chất kiểm chuẩn mức bất thường thấp dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, Antithrombin, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dải đo bất thường thấp. Dạng Bột khô. Thành phần tối thiểu chứa huyết tương người. Thời gian ổn định: tối thiểu 24 giờ với xét nghiệm PT, APTT, Fibrinogen, TT hoặc tối thiểu từ 8 tiếng với xét nghiệm Hepatocomplex. Chứng nhận chất lượng CE, FDA, ISO (13485)	10 x 1 mL	Hộp	6
171	Chất kiểm chuẩn mức bất thường cao dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, Hepatocomplex ở dải đo bất thường cao. Dạng Bột khô. Thành phần tối thiểu chứa huyết tương người. Thời gian ổn định: tối thiểu từ 24 giờ với xét nghiệm PT, APTT hoặc thời gian ổn định tối thiểu từ 8 tiếng với xét nghiệm Hepatocomplex. Chứng nhận chất lượng CE, FDA, ISO (13485)	10 x 1 mL	Hộp	6
172	Acid Sulfuric	Hàm lượng > 98%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Chai 500ml	Chai	20
173	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật kháng sinh đồ- Que giấy MIC các loại	Họ Kháng sinh đồ E- test kết hợp giữa phương pháp khuếch tán và vi pha loãng kháng sinh trên một que giả thể nhờ đó có thể xác định MIC của kháng sinh đối với vi khuẩn. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485	10que/lọ	lọ	16
174	Kalibicromat	Hàm lượng >98%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	500g	lọ	40
175	Kowac	Thuốc thử dùng kết hợp cùng với môi trường (SIM, MIU) hoặc đĩa giấy sinh hóa (H2S-IND) để thực hiện thử nghiệm sinh Indol. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	2ml	tube	28
176	Phenol	Hóa chất dùng trong giải phẫu bệnh / xét nghiệm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Lọ 500ml	lọ	2
177	Huyết tương thô đông khô	Rabbit Plasma hồi phục trên EDTA và đông khô được sử dụng để phát hiện Staphylocoagulase. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp 10 lọ	lọ	80
178	SIM Medium	Sản xuất tại Châu Âu hoặc Mỹ, đạt tiêu chuẩn ISO 13485	500g	lọ	2
179	Dung dịch đệm rửa Saline	Chất pha loãng cho việc xử lý tự động các thẻ của máy. Mục đích sử dụng của túi chứa dung dịch nước muối 0,45% là chất pha loãng cho việc xử lý tự động các thẻ của máy tự động. Thành phần: 0.45 % Sodium Chloride Diluent. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	20 chai x 500ml/thùng	Thùng	4
180	Môi trường nuôi cấy vi sinh	Đĩa thạch 90mm. Môi trường đa năng dùng để nuôi cấy các vi sinh vật không khó tính. Thành phần (g/l): Beef extract 3; Peptones 5; Agar 15. pH = 7.0 ± 0.2 Môi trường dinh dưỡng dùng nuôi cấy vi sinh vật dễ mọc và không khó tính từ mẫu lâm sàng, mẫu nguyên liệu khác và khảo sát khả năng tan huyết của vi sinh vật.	10 đĩa/Hộp	Đĩa	320
Vật tư chấn thương chỉnh hình					
181	Đinh Kitne các cỡ	Đk định 1,2, 1,4, 1,5, 1,6, 1,8, 2,0, 2,2, 2,4, 2,8, 3,0mm. Dài ≥ 310mm, một đầu nhọn. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Bi 10 cái	cái	160
182	Nẹp lòng máng 1/3, 6-8 lỗ, dùng vis 3.5	Dài từ 73 đến 97mm, từ 6 đến 8 lỗ thân, dùng vis 3.5, chất liệu hợp kim không gỉ hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Bi 1 cái	cái	20
183	Nẹp DCP xương cẳng tay 4,5,6,7 lỗ	Thân nẹp rộng từ 9mm đến 11mm, nẹp dày từ 2.5mm đến 3.5mm. Số lỗ thân từ 5 đến 8 lỗ, tương ứng với chiều dài nẹp từ 62 đến 98mm. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Bi 1 cái	cái	10
184	Mũi mài xương nội soi cột sống, dài khoảng 265mm, dk thân khoảng 3,5mm, mũi cầu dk khoảng 3,3mm	Mũi mài xương nội soi cột sống, dài 265mm ± 10%, dk thân 3,5mm ± 10%, mũi cầu dk 3,3mm ± 10%	5 cái / hộp	Cái	4
185	Mũi mài xương nội soi cột sống, dài khoảng 265mm, dk thân khoảng 4,5mm, mũi cầu dk khoảng 4,3mm	Mũi mài xương nội soi cột sống, dài 265mm ± 10%, dk thân 4,5mm ± 10%, mũi cầu dk 4,3mm ± 10%	5 cái / hộp	Cái	4
186	Vis sọ não titan loại tự khoan đường kính khoảng 1.6mm, dài khoảng 4mm	Vis tự khoan, không cần khoan mũi. Vật liệu: ASTM F-136 (Ti-6Al-4V ELI). Đường kính: 1.6mm ± 10%. Chiều dài vis: 4mm ± 10%. Tương thích với nẹp Titanium và miếng và khuyết sọ Medtronic. Độ lệch hướng so với công vào của hệ thống GE signa 3T MR nhỏ hơn 1°. Hệ thống Timesh system theo điều kiện MR conditional theo chuẩn ASTM F2503-13.	6 Cái/ Hộp	Cái	60
187	Vis xóp 4.0 ren bán phần các cỡ	Chiều dài vít từ 30 đến 80mm, chiều dài ren 12 đến 15mm, đầu vít tự taro, bước ren 1.75mm, chất liệu hợp kim không gỉ hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		Cái	50
188	Vis xóp cổ xương đùi 6,5 roan dài 32mm	Đường kính mũ vít là 8mm, đầu vận tước nơ vít hình lục giác, đường kính thân vít là 6.5mm Chiều dài vít từ 30mm đến 34mm tương ứng chiều dài bước ren 22mm; Chiều dài vít từ 35mm đến 38mm tương ứng chiều dài bước ren 27mm; Chiều dài vít từ 40mm đến 90mm tương ứng chiều dài bước ren 32mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.		cái	50

Tên danh mục		Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
189	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài gồm 4 thang đo áp lực dòng chảy có thể xoay được Hệ thống gồm: túi chứa dịch 600ml, hệ thống điều chỉnh, cột theo dõi áp suất dòng chảy, trocar 15cm. Catheter trong suốt dài 35cm, đường kính trong 1.98mm, đường kính ngoài 3.14mm, 3 điểm đánh dấu chiều dài 5,10,15cm cách nhau 1cm; 4 hàng 4 lỗ thoát dịch dài 3cm. - Bộ lọc hydrophobic trên buồng nhỏ giọt hoạt động như rào cản vi sinh vật và không khí thông gió ngay cả sau khi tiếp xúc với dịch. - Hình dạng hình nón của buồng khoảng 75ml giúp cho phép đo chính xác chất lỏng. - Túi chứa dịch có vạch đo được lượng dịch chảy, có thể tháo rời. - Đạt tiêu chuẩn FDA (Mỹ)		Bộ	5
Vật tư tim mạch can thiệp					
190	Bộ Manifold 2 cổng gồm: 01 dây theo dõi áp lực 01 dây truyền thuốc cân quang 01 kết nối Manifold 2 cổng	Manifold 2 cổng. Chất liệu Poly Carbonate. Đường kính trong $\leq 0.093"$ ($\leq 2.36\text{mm}$). Có luer xoay và đầu xoay đuôi khí. Có các loại 2,3,4 cổng phù hợp với các mục đích sử dụng khác nhau. Chịu áp lực 200-500 PSI tùy theo mã sản phẩm. Đạt tiêu chuẩn FDA		Bộ	100
191	Bộ Manifold 3 cổng gồm: 01 dây theo dõi áp lực 01 dây truyền thuốc cân quang 01 kết nối Manifold 3 cổng 01 dây truyền nước muối sinh lý	Manifold 3 cổng. Chất liệu Poly Carbonate. Đường kính trong $\leq 0.093"$ ($\leq 2.36\text{mm}$). Có luer xoay và đầu xoay đuôi khí. Có các loại 2,3,4 cổng phù hợp với các mục đích sử dụng khác nhau. Chịu áp lực 200-500 PSI tùy theo mã sản phẩm. Đạt tiêu chuẩn FDA		Bộ	520
192	Màng đặt ống thông ngả đuôi chiều dài 11cm-23cm	Dụng cụ mở đường đùi cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F, chiều dài từ 11cm - 23cm. Chất liệu polyethylene và Polypropylene. Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ. Holster giúp cố định và giữ các dụng cụ trong bộ đúng chỗ. Có kèm theo kim chọc mạch 18Gx7cm. Có khóa 3 ngã. Có Guidewire kèm (làm bằng thép không gỉ) có đầu cong hình J, đường kính 0.035", dài 50cm. Đạt tiêu chuẩn FDA.		cái	10
193	Màng đặt ống thông ngả quay chiều dài 4cm -7cm	Dụng cụ mở đường quay cỡ 4F, 5F, 6F, chiều dài từ 4cm-7cm. Chất liệu polyethylene và Polypropylene. Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ. Holster giúp cố định và giữ các dụng cụ trong bộ đúng chỗ. Có Guidewire kèm (làm bằng thép không gỉ) có đầu cong hình J, đường kính 0.018", dài 40cm. Có kèm theo kim chọc mạch 21Gx4cm, có khóa 3 ngã. Đạt tiêu chuẩn FDA		Cái	200
194	Dây bơm áp lực cao, dây bơm cân quang áp lực cao chiều dài 120cm-160cm	Dây bơm áp lực cao chiều dài 120cm-160cm. Vật liệu làm bằng PVC, Nylon/ Polyurethane. Chịu áp lực từ 500 psi đến 1200 psi (83 bar) (tùy mã sản phẩm) với nhiều màu sắc khác nhau để dễ phân biệt. Đạt tiêu chuẩn FDA.		Cái	140
195	Dây dẫn hỗ trợ chẩn đoán và can thiệp các cỡ	Dây dẫn đường cho Catheter (Guide Wire) các cỡ. 0,035", 150 cm, đầu tip linh hoạt, lớp phủ PTFE. 0,035", 90 cm, đầu J-tip, chiều dài lò xo ≥ 100 mm, lớp phủ PTFE. 0,035", 70 cm, J-tip 3 mm, đầu kia thẳng linh hoạt, lõi Nitinol. 0,035", 260 cm, J-tip 3 mm, Lớp phủ PTFE. 0,018", 150 cm, một đầu thẳng linh hoạt, đầu còn lại cố định, không phủ. Tiêu chuẩn ISO: 13485, CE.		Sợi	40
196	Bộ bơm bóng áp lực cao cho can thiệp mạch máu ngoại biên	Bộ bơm bóng áp lực cao với áp lực tối đa 40 atm. Thể tích bơm tiêm $\geq 30\text{ml}$. Bơm bóng với cả áp suất thấp lẫn áp suất cao. Dung tích ống lớn cho phép nhanh chóng dễ dàng giảm áp.		bộ	6
197	Bộ bơm bóng áp lực cao áp lực 30 atm, có mặt đồng hồ áp lực phát quang	Loại GM30. Nguyên liệu Polycarbonate, đồng hồ áp lực, có dạng bấm, dây nối áp lực kèm khóa 3 ngã xoay 360°. Áp lực tối đa 30 Atm, Thể tích syringe ≥ 25 ml, mặt đồng hồ áp lực huỳnh quang thấy được trong điều kiện tối. Đi kèm van Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm màu vàng, đường kính lớn 10Fr, dụng cụ lái dây dẫn, cây đẩy. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE.		bộ	220
198	Bộ hút huyết khối mạch vành	Catheter hút huyết khối có đường viền bên thép không gỉ. Đầu tip thuận. Sử dụng cho mạch máu có đường kính $\geq 1.5\text{mm}$. Markers bằng chất liệu Platinum. Chiều dài Catheter hút ≥ 145 cm. Catheter 4F được thiết kế khoang hút lớn nhất. Đường kính Guiding catheter tương thích $\geq 0.066"$. Guide wire tương thích: 0.014". Có đầu Rapid Exchange dài ≥ 20 cm để đi dây guide wire 0.014". Đoạn ái nước ≥ 30 cm. Cung cấp kèm theo: 2 syringe hút ≥ 30 ml, 1 cái syringe flushing ≥ 4 ml, 1 khay chứa và làm đông máu chứa tối đa 60ml dung dịch và 2 cái lọc ≤ 70 micron, 1 tubing: ≥ 21.5 cm có stopcock. Đạt tiêu chuẩn FDA.		bộ	6

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
100	Ống thông can thiệp lòng rỗng các loại, các cỡ	Di chuyển linh hoạt và hỗ trợ tốt các dụng cụ can thiệp. Tổng cộng 230 loại đầu cong. Kỹ thuật đan lưới lòng ống sợi dệt Full Wall giúp lòng ống rộng hơn và ống di chuyển linh hoạt. Lớp áo ngoài bằng chất liệu Vest-Tech Nylon giúp tăng khả năng bắt cân quang. Mặt trong làm bằng chất liệu Pebax cải tiến giúp dụng cụ được luồn nhẹ nhàng, không bị cản trở. Đường kính trong của cỡ 5F là 0.058", 6F là 0.071", 7F là 0.081", 8F là 0.09".		cái	540
200	Bóng nong động mạch và mạch máu 3 nếp gấp, bán đàn hồi phủ thuốc Paclitaxel	Lớp phủ ưa nước. Thiết kế bóng hình Wing. Hình dạng Bóng 3 nếp gấp. Thuốc được đặt trong các cánh bóng. Thuốc Paclitaxel: 3.0 µg/mm², phủ trên bề mặt bóng. Áp lực đỉnh danh ≥ 6 bar. Áp lực vỡ bóng ≥ 16 bar. Đạt cửa sổ thời gian điều trị sau khi bơm bóng ≤ 30 giây Chất liệu: semi-compliant polyamide. Tiêu chuẩn Workhorse PTCA. Khẩu kính qua tổn thương ≤ 0.40 mm. 6F kissing Technology, loại RX. Đầu gần 1.9F (0.64 mm), đầu xa 2.6F (0.86 mm). Áp lực vỡ bóng: 16 bar (ngoại trừ Ø 4.00=13 bar). Thời gian xẹp bóng 3 giây (O 3.0, L: 20). Đầu tip vát nhọn 3mm. Đường kính bóng (mm): 2.00, 2.50, 3.00, 3.50, 4.00. Độ dài bóng (mm): 10, 15, 20, 30		Cái	12
201	Bộ Stent Graft thân chính động mạch chủ bụng có chiều dài 80-120mm	Bộ gồm 3 miếng, miếng thân chính có 2 lớp gai đầu gần (trên thận và dưới thận) giúp cố định vị trí stent, tránh trôi stent ngay cả những vùng giải phẫu gấp góc. Có thể điều trị cổ gấp đến 75 độ. Các gai đầu tròn (lock stent) bên trong 2 ống stent phân nhánh giúp giữ miếng stent phụ không bị trôi - Độ dài thân chính: 80, 100, 120mm. - Đường kính thân chính: 20, 22, 24, 26, 28, 30, 33, 36 mm. - Đường kính miếng chân: 9, 11, 13, 15, 17, 20, 24mm - Chiều dài miếng chân: 80, 100, 120, 140, 160mm		Bộ	2
202	Bộ Stent Graft thân chính động mạch chủ ngực có chiều dài 100-250mm	Chất liệu khung nitinol. Có 2 loại đầu gần phủ hoặc không phủ graft. Trên lưng stent có thanh chạy theo đường cong mạch chủ. Chiều dài khả dụng (độ dài sheath) ≥ 90cm. Stent graft có các chiều dài 100, 150, 200, 250cm. Đường kính ngoài hệ thống đặt có tối thiểu 2 dạng: 19-22F và 22-26F		Bộ	2
203	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số (Máy chỉnh kèm đầy đủ phụ kiện tiêu chuẩn).	• Tạo nhịp tim, 1 buồng, đáp ứng nhịp • Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T không giới hạn vùng chụp • Có tính năng tự động điều chỉnh biên độ tạo nhịp dựa trên ngưỡng đo được thực tế. • Có hệ thống giám sát điện cực, cảnh báo bất thường trở kháng và ngưỡng cao bất thường. - Tuổi thọ pin tối thiểu 14 năm - Đạt mức độ nhạy của thất phải đến 0.45 mV		bộ	4
204	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số DDDR (Máy chỉnh kèm đầy đủ phụ kiện tiêu chuẩn). Có tính năng truyền dữ liệu qua kết nối Bluetooth. Có chế độ chuyển đổi AAIR- DDDR / AAI - DDD nhằm ưu tiên dẫn truyền tự nhiên để giảm tạo nhịp thất.	• Tạo nhịp tim, 2 buồng, đáp ứng nhịp • Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T không giới hạn vùng chụp • Có tính năng tự động điều chỉnh biên độ tạo nhịp dựa trên ngưỡng đo được thực tế. • Có hệ thống giám sát điện cực, cảnh báo bất thường trở kháng và ngưỡng cao bất thường. • Có thuật toán ưu tiên dẫn truyền như thất tự nhiên (giảm thiểu tạo nhịp thất). • Tính năng phòng ngừa ngắt do tụt nhịp. • Tích hợp công nghệ truyền dữ liệu không dây năng lượng thấp, hỗ trợ theo dõi từ xa. • Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho bệnh nhân - Tuổi thọ pin có thể lên tới 15 năm		Bộ	4
205	Van động mạch chủ sinh học đủ các loại	Van ĐMC sinh học có giá đỡ từ heo, tiêu chuẩn FDA Chất chống canxi hóa: T6 (sodium dodecyl sulfate) giúp giảm tối đa lượng canxi bám trên các lá van, độ bền van trên 20 năm. Van có các cỡ 21mm đến 29mm.		Cái	8
206	Van 2 lá sinh học đủ các cỡ	Van hai lá sinh học có giá đỡ từ heo. Chất chống canxi hóa: T6 (sodium dodecyl sulfate) giúp giảm tối đa lượng canxi bám trên các lá van, độ bền van trên 15 năm. Van có các cỡ 25mm đến 33mm.		Cái	6
207	Phổi nhân tạo (Oxygenator)	Loại màng: Vi sợi rỗng polypropylene - Tích hợp với bề mặt sinh học ưa nước, không gắn heparin, giảm sự hoạt hóa và kết dính tiểu cầu - Diện tích màng lọc: 2.5m² ± 10%. Thể tích mỗi tĩnh: 280ml ± 10% - Tốc độ lưu chuyển của dòng máu: khoảng từ 1 - 7 lít/phút. Áp lực nước tối đa lên thành: ≥ 30psi. Lượng thể tích bình chứa: ≥ 4000ml. - Mức độ vận hành tối thiểu: ≥ 200 ml. Tiêu chuẩn FDA.		Cái	10

Tên danh mục		Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
208	Ví dây dẫn can thiệp ngoại biên có phủ lớp ái nước	Chất liệu: Lõi bằng thép không rỉ và đầu tip hợp kim Platinum được bao phủ bằng Polymer tương thích sinh học (Polyurethane, PTFE hoặc tương đương) và Lớp phủ ái nước (Hydrophilic). - Đường kính: Trong khoảng 0.014"-0.016", chiều dài đầu cán quang tối thiểu 3cm, đầu thuận nhọn ≤ 40cm. Chiều dài có tối thiểu 3 loại trong khoảng 135cm-180cm. Lớp phủ ái nước toàn bộ chiều dài dây dẫn. Dụng cụ định hình đầu đi kèm dễ dàng tạo hình và độ linh hoạt cao. - Tiêu chuẩn: PMDA, ISO 13485.		Cái	120
209	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên	Chất liệu Pebax trên bóng phủ lớp ái nước Hydrophilic. Đầu vào vị trí tổn thương $\leq 0.022"$. Có 2 dạng: Monorail và Over-the-wire. Catheter có chiều dài tối thiểu 5 loại trong khoảng 40cm-150 cm. Có 2 markers bằng vật liệu cán quang cao. Đường kính từ 2.0mm đến 10.0mm, chiều dài từ 10mm đến 220mm. Tương thích dây dẫn 0.014"/0.018". Áp lực vỡ bóng tối thiểu 14atm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Xuất xứ: G7.	1 Cái/ Hộp	Cái	4
210	Mạch máu nhân tạo ePTFE dạng thẳng đường kính 5-7mm, dài 50cm	Chất liệu Polytetrafluoroethylene, thiết kế 2 lớp. Đường kính 5-7mm, dài 50cm, thiết kế 2 lớp		Cái	4
211	Mạch máu nhân tạo dạng chữ Y kích cỡ: 14x7mmx40cm; 16x8mmx40cm	Chất liệu Polyester, tấm collagen. Dệt kim dạng sợi dọc, có 2 lớp nhưng đối		Cái	4
Vật tư phục vụ mổ phaco					
212	Dao lạng mỏng CRESSEN hoặc tương đương	Lưỡi dao làm bằng thép không rỉ, không gây chói. Tuân thủ OSHA và CMS. Tay cầm nhựa thiết kế dễ cầm thoải mái. Kích thước 3mm, 2 mặt vát, lưỡi bẻ góc. Có nắp an toàn bảo vệ. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO, FDA		Cái	6
213	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đa tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu cự, theo nguyên lý nhiễu xạ hoặc kết hợp khúc xạ. Chất liệu Hydrophobic Acrylic (Kỵ nước) hoặc vật liệu có tính chất bề mặt tương đương, không có hiện tượng Glistening. Lọc tia UV và ánh sáng xanh. Thủy tinh thể có thiết kế phi cầu. Thiết kế đa tiêu. Chiều dài thủy tinh thể: từ 10.5mm tới < 12mm. Đường kính quang học: từ 6.0mm tới 6.5mm. Chỉ số khúc xạ: từ 1.45 tới 1.55. Dải công suất: từ +10D đến +35D cách nhau 0,5D. Công suất bổ sung từ +1.5D tới 1.75D và từ +3D tới +3.5D. Cung cấp kèm dụng cụ đặt nhân. Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFS	Cái/Hộp	Cái	20
214	Dao mổ mắt 2.8 đến 3.2	Lưỡi dao làm bằng thép không rỉ, không gây chói. Tay cầm nhựa thiết kế dễ cầm thoải mái. Kích thước từ 2.8mm. Có nắp an toàn bảo vệ. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO, FDA		Cái	720
Vật tư cho răng hàm mặt					
215	Vít mini titan 1.5 các cỡ (tự khoan)	đk 1,5mm, loại tự khoan. Chất liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương		Cái	60
216	Trụ cấy ghép chân răng nhân tạo đường kính từ 3.0mm đến 7.0mm	Chất liệu: Hợp kim Titanium tinh khiết Ti-6AL-4V ELI cấp độ 23 Tương đương Titan Cấp 5, có độ bền cơ học và khả năng chịu lực tốt, tính tương hợp sinh học cao. - Cấu tạo: + Hình trụ dạng thuận, Kết nối trong hình nón (côn) kèm vòng lục giác bên trong giúp đảm bảo độ khít, ổn định và độ bền tuyệt đối. + Mẫu ren xoắn có bước răng kép với các rãnh tự tạo ren giúp quá trình đưa vào nhanh chóng, đảm bảo độ ổn định ban đầu tốt cho mọi loại xương. các ren nhỏ vòng đầu giúp bảo tồn xương mào. + Công nghệ xử lý bề mặt là công nghệ bột phun tái hấp thu (RBM) xử lý toàn bộ bề mặt của implant giúp implant có bề mặt nhám, siêu sạch, đạt mức độ tinh khiết cao nhất, tối ưu khả năng tích hợp xương của implant và tương thích với mọi loại xương. + Phần cổ lằng 1mm được làm với mục đích duy trì mô mềm và mào xương ổ, cho phép đặt cổ implant ngang xương, dưới xương hoặc trên xương 1-2mm, giúp tạo hiệu quả thẩm mỹ như cổ răng thật. + Chiều dài và đường kính implant đa dạng: - Đường kính 3.0 mm: Chiều dài 11.5 mm; 13 mm; 16 mm - Đường kính 3.5 mm: chiều dài 8 mm; 10 mm; 11.5 mm; 13 mm; 16 mm - Đường kính 4.3 mm: chiều dài 8 mm; 10 mm; 11.5 mm; 13 mm; 16 mm - Đường kính 5.0 mm: chiều dài 8 mm; 10 mm; 11.5 mm; 13 mm; 16 mm - Đường kính 7.0 mm: chiều dài 8 mm; 10 mm; 11.5 mm. + Đường kính abutment đa dạng, điều chỉnh theo đường kính implant để tạo độ bền và ổn định tốt nhất cho kết nối. Sử dụng nền tảng mã màu thống nhất từ đường kính implant tới các phụ kiện phục hình, giúp BS dễ nhận dạng size cần thiết và thao tác nhanh hơn. - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi bệnh viện yêu cầu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485		Cái	20

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
217	Trụ lạnh thương cho Trụ cấy ghép chân răng nhân tạo đường kính từ 3.0mm đến 7.0mm.	- Trụ lạnh thương được thiết kế bằng Titanium, giúp lạnh thương, tạo đường viền nướu: là bộ phận kết nối trực tiếp với implant trong xương, tạo độ lọc để chuẩn bị mô mềm được tạo hình tự nhiên. Có nhiều chiều cao đa dạng để phù hợp với độ dày nướu khác nhau. - Chất liệu: Hợp kim Titanium tinh khiết Ti-6AL-4V ELI cấp độ 23 Tương đương Titan Cấp 5, có độ bền cơ học và khả năng chịu lực tốt, tính tương hợp sinh học cao. - Kích thước gồm: đường kính 3.0; 3.5; 4.3; 5.0; 7.0 - Chiều cao nướu: 3mm; 5mm; 7mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485		Cái	20
218	Dụng cụ lấy dấu trụ chân răng (Coping open tray/Close tray)	- Trụ lấy dấu khi phục hình trên implant - Chất liệu: Hợp kim Titanium tinh khiết Ti-6AL-4V ELI cấp độ 23 Tương đương Titan Cấp 5, có độ bền cơ học và khả năng chịu lực tốt, tính tương hợp sinh học cao. - Kích thước gồm: đường kính 3.0; 3.5; 4.3; 5.0; 7.0 - Chiều cao nướu: 3mm; 5mm; 7mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485		Cái	20
219	Trụ phục hình tạm cho Trụ cấy ghép chân răng nhân tạo đường kính từ 3.0mm đến 7.0mm.	- Khớp nối tạm dùng để kết nối trụ implant và phần răng tạm phía trên, dùng cho các trường hợp phục hình tạm thời - Chất liệu: Hợp kim Titanium tinh khiết Ti-6AL-4V ELI cấp độ 23 Tương đương Titan Cấp 5, có độ bền cơ học và khả năng chịu lực tốt, tính tương hợp sinh học cao. - Kích thước gồm: đường kính 3.0; 3.5; 4.3; 5.0; 7.0 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485		Cái	20
220	Trụ phục hình thẳng	- Khớp nối thẳng các size được thiết kế bằng Titanium, dùng để kết nối trụ implant trong xương hàm và phần mào sứ ở trên thành 1 thể thống nhất - Kích thước gồm: đường kính 3.0; 3.5; 4.3; 5.0; 7.0		Cái	20
221	Trụ phục hình nghiêng	- Khớp nối nghiêng 15 độ các size được thiết kế bằng Titanium, dùng để kết nối trụ implant trong xương hàm và phần mào sứ ở trên thành 1 thể thống nhất - Kích thước gồm: đường kính 3.0; 3.5; 4.3; 5.0; 7.0. Nghiêng 15 độ		Cái	20
222	Trụ phục hình multi nghiêng	- Khớp nối nghiêng 17 độ hoặc 30 độ các size được thiết kế bằng Titanium, dùng để kết nối trụ implant trong xương hàm và hàm răng giả ở trên, được chỉ định trong các trường hợp mất răng toàn hàm - Kích thước gồm: đường kính 3.0; 3.5; 4.3; 5.0; 7.0 - Chiều cao: 1.5mm; 2.5mm; 3.5mm; 4.5mm; Nghiêng: 17 độ; 30 độ		Cái	20
223	Trụ phục hình multi thẳng	- Khớp nối thẳng các size được thiết kế bằng Titanium, dùng để kết nối trụ implant trong xương và hàm răng giả ở trên, được chỉ định trong các trường hợp mất răng toàn hàm - Kích thước gồm: đường kính 3.0; 3.5; 4.3; 5.0; 7.0 - Chiều cao: 1.5mm; 2.5mm; 3.5mm; 4.5mm;		Cái	20
224	Nắp đáy Trụ phục hình bất vít	- Nắp đáy trụ phục hình bất vít được làm bằng titanium, giúp lạnh các mô mềm trong trường hợp phục hình toàn hàm bất vít, tương thích với trụ phục hình bất vít của hệ thống Implant - Đóng gói tiệt khuẩn. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485		Cái	20
225	Trụ phục hình tạm multi	Khớp nối implant dùng cho các trường hợp phục hình tạm thời trong các ca phục hình toàn hàm		Cái	20
Danh mục thực hiện kỹ thuật Niệu động học					
226	Ống thông niệu đạo	Chất liệu PVC hoặc tương đương. Kích thước ≤ 10 Fr. Đóng gói tiệt trùng. Tương thích với Máy đo niệu động học của hãng HC Italia S.r.l		cái	20
227	Ống thông bóng trực tràng	Chất liệu ống thông PVC hoặc tương đương. Chất liệu bóng PVC, polyisoprene hoặc cao su tổng hợp. Kích thước ≤ 4.5 Fr. Tương thích với Máy đo niệu động học của hãng HC Italia S.r.l		cái	13
228	Bộ dây cảm biến áp lực	Đầu dò áp suất thu nhỏ sử dụng một lần hoặc có thể tái sử dụng (với mui vòm sử dụng một lần) với màng, hoàn chỉnh với vỏ bảo vệ và đặt. Được trang bị đầu nối Luer Lock bướm. Tương thích với Máy đo niệu động học của hãng HC Italia S.r.l		cái	10
229	Bộ ống bơm truyền	Bộ ống bơm được thiết kế với đầu nối Luer Lock đực ở đầu xa và buồng nhỏ giọt chất liệu polypropylen hoặc tương đương ở đầu gần. Tương thích với Máy đo niệu động học của hãng HC Italia S.r.l		cái	10
230	Điện cực dán kích thích tăng sinh mô	Kích thước: 5cm x 5cm. Loại tự dính. Tương thích với Máy đo niệu động học của hãng HC Italia S.r.l		cái	100
Danh mục cho xử lý dụng cụ tập trung					
1. Vật tư - hóa chất sử dụng cho máy rửa dụng cụ					

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
231	Chất hỗ trợ làm khô và làm bóng dụng cụ	- Hỗ trợ làm khô, làm bóng dụng cụ, tránh tạo thành đốm nước, cặn khoáng trên bề mặt dụng cụ và trong máy rửa - Sử dụng cho máy rửa khử khuẩn tự động Thành phần: axit citric: $\geq 15\%$ - $<30\%$, Nồng độ sử dụng: 0.5 - 1.5 mL/L. pH của dung dịch 1% trong nước: $2.5 \pm 5\%$, pH tối đa của dung dịch nguyên chất: ≤ 1.5 . Tiêu chuẩn: ISO 13485	5L/ Can (5000 ml)	Can	18
232	Dung dịch làm sạch enzyme có tính kiểm nghiệm cho máy rửa tự động	Hóa chất chuyên dụng cho máy rửa khử khuẩn tự động. Thành phần: Tetrapotassiumdiphosphate: $\geq 1\%$ - $<5\%$; fatty alcohol alkoxylate: $\geq 1\%$ - $<5\%$; N,N-Dimethyldecylamin-N-oxide: $\geq 1\%$ - $<5\%$; sodium acrylate: $< 1\%$; Enzymes (proteases): $\geq 2.0\%$. Tương thích với dụng cụ nhôm anốt; pH của dung dịch 1%: ≤ 10.0 . Không yêu cầu hóa chất trung hòa. Nồng độ sử dụng tối đa đối với nước RO: $\leq 5\text{ mL/L}$. Hiệu quả làm sạch protein đáp ứng theo tiêu chuẩn ISO 15883-4:2021 hoặc ANSI/AAMI ST9: 2017 hoặc ANSI/AAMI ST91: 2021 hoặc IITM 01-01, 2016 với nồng độ hóa chất sử dụng: $\leq 5\text{ mL/L}$. Thời gian rửa tối đa: ≤ 10 phút. Tiêu chuẩn: ISO 13485.	5L/ Can	Can	60
233	Chỉ thị kiểm soát pha rửa của máy rửa khử khuẩn tự động	Đánh giá hiệu quả của quá trình làm sạch cho máy rửa khử khuẩn tự động, máy rửa dụng cụ bằng sóng siêu âm, tần số sóng siêu âm $\geq 35\text{ kHz}$, nhiệt độ giữa 30°C và 70°C . Kích thước: $70 \times 30\text{mm} \pm 5\%$. Thay đổi màu sau khi hoàn thiện quá trình làm sạch. Có thể đọc kết quả sử dụng máy đọc kết quả tự động. Có mã vạch trên chỉ thị để truy xuất dữ liệu. Tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO/TS 15883-5:2005	200 miếng/ Gói	Gói	12
2. Vật tư - hóa chất sử dụng rửa dụng cụ bằng tay					
234	Dung dịch ngâm làm sạch dụng cụ đa enzyme	Thành phần chứa ≥ 4 loại enzyme trong đó nồng độ enzyme protease subtilisin: $\geq 2\%$ và nồng độ các enzyme khác (amylase, lipase, cellulase...) từ 1-3%, chất hoạt động bề mặt anion từ 1-5%; chất hoạt động bề mặt không ion từ 5-15%, không chứa cồn. Nồng độ pH dung dịch ≥ 7 - Mục đích sử dụng: Sử dụng ngâm cho làm sạch dụng cụ thủ công, các dụng cụ nội soi ống cứng và ống mềm. Có chứng nhận tương thích với dụng cụ ống nội soi. - Hiệu quả làm sạch: Hiệu quả loại bỏ màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa trong ≤ 10 phút. Hiệu quả làm sạch được đánh giá bằng phương pháp định lượng Adenosine triphosphate (ATP) theo tiêu chuẩn ISO 15883-5:2021 - Can 5 lít dung dịch dạng ngâm kèm dụng cụ chia liều lượng.	5L/ Can	Can	24
3. Vật tư - hóa chất sử dụng cho các máy hấp					
235	Giấy thấm chất thử (chỉ thị hóa học) dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế bằng hơi nước	Chỉ thị hóa học hơi nước nhóm 5 sử dụng để giám sát chất lượng tiệt khuẩn bên trong mỗi gói dụng cụ. Giám sát tất cả 3 biến số quan trọng của quá trình tiệt khuẩn: thời gian, nhiệt độ và áp suất hơi nước. • Cấu tạo: Bao gồm một bắc giấy và một viên hóa chất nhạy cảm với hơi nước và nhiệt độ, tất cả được bao bọc trong 1 lớp giấy/màng phim/ lá kim loại. Kích thước: $(5.1\text{cm} \times 1.9\text{cm}) \pm 5\%$ • Hiệu suất tương quan với một chỉ thị sinh học • Kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn gói dụng cụ của tất cả các chu trình tiệt khuẩn bằng hơi nước từ $121-135^\circ\text{C}$ • Đọc kết quả với thiết kế vạch màu dịch chuyển qua các ô màu khác nhau tương ứng với "ACCEPT" là đạt hoặc "REJECT" là không đạt. • Chỉ báo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 6 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo HD. Thành phần: - Giấy 55-65%, Acrylate Adhesive 35-45%, Nhôm $<0.1\%$, Polypropylene $<0.1\%$, Coatings $<0.01\%$, Mực $<0.1\%$; - Sản phẩm không chứa chì • Lá chỉ thị tích hợp loại 5 được phân loại theo ISO 11140-1:2014. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485.	500 miếng/ gói	Gói	8
236	Giấy (gói) thử Bowie Dick kiểm tra chất lượng lò tiệt khuẩn hơi nước	Bowie-Dick Test dạng gói chuẩn dùng cho tiệt khuẩn hơi nước. Giúp xác định chất lượng lò hấp có đạt hay không • Cấu tạo: Một tờ chỉ thị hóa học không chứa chì nhạy cảm với hơi nước được đặt bên trong của gói. Chấm tròn màu vàng trên nhãn dán bên ngoài là chỉ thị tiếp xúc • Dùng cho lò hơi nước hút chân không $132-134^\circ\text{C}$ trong thời gian 3.5 - 4 phút để kiểm tra chất lượng lò hấp hàng ngày • Chỉ báo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 24 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn • Vạch chỉ thị màu trên tờ test bên trong sẽ chuyển sang màu khác đồng nhất nếu đạt • Thành phần: - Giấy 85-95%, Chất làm đầy 4-10%, xốp polyurethane/polyether 0.1 - 1.5%. Mực in không chứa chì • Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485	6gói/túi	Túi	504

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
237	Giấy in thông số vận hành của máy phù hợp máy Steri-Vac	Giấy in dùng với máy tiệt khuẩn EO phù hợp máy Steri-Vac. In các thông tin, dữ liệu vận hành của máy. Kích thước (Rộng x Dài) 8cm x 30m.	2 cuộn/thùng	Cuộn	8
238	Chi thị sinh học EO cho kết quả trong 4 giờ	Đọc kết quả trong: ≤ 4 giờ. Có chỉ thị hóa học trên vỏ ngoài ống, chuyển sang màu khác sau tiệt trùng, màu chỉ thị sau tiệt trùng không đổi trong ≥ 6 tháng - Mỗi ống chứa: bào tử <i>Bacillus atrophaeus</i> ATCC 9372, ≥ 0.5 mL dung dịch nuôi cấy, màu xanh - Tiêu chuẩn: 13485; FDA.	50 ống/ hộp	Hộp	12
239	Băng keo chỉ thị hấp EO	Kích thước: (18 mm x 50m) $\pm 2\%$. Chuyển sang màu khác sau khi hấp EO. 100% không chứa các kim loại nặng (Bi, Ni, Pb, Cr, Cu, Co). - Thành phần: giấy: $\geq 40.0\%$; copolymer: $\leq 15.0\%$; acrylic resin: $\geq 5.0\%$; Không để lại vết chất dính trên bề mặt vật liệu sau khi bóc bỏ. Tiêu chuẩn: ISO 13485	1 cuộn/ gói	Cuộn	36
240	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước	Băng chỉ thị nhiệt dùng trong tiệt khuẩn hơi nước giúp phân biệt gói dụng cụ đã qua tiệt khuẩn hay chưa • Cấu tạo: - Lớp keo dính chắc phù hợp với nhiều loại vật liệu như vải dệt chưa qua xử lý (nghĩa là 100% cotton có thể tái sử dụng và hỗn hợp cotton / poly) và vải không dệt dùng một lần, giấy và giấy / bao bì nhựa - Lớp nền là một loại giấy crepe và cung cấp độ giãn cần thiết khi gói giãn nở trong quá trình tiệt khuẩn Kích thước: 18mm x 55m. Sử dụng cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước trong các quy trình tiệt khuẩn hơi nước 250°F/121°C, 270°F/132°C, 273°F/134°C và 275°F/135°C. • Vạch chỉ thị hóa chất sẽ hiển thị sự thay đổi màu sắc trực quan khi tiếp xúc với quy trình tiệt khuẩn bằng hơi nước. • Chỉ báo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 6 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn. • Thành phần: Giấy Crepe bão hòa 40-50%, Chất kết dính 10-20%, Acrylic Polymer 2-5%, Mực chỉ thị hơi nước 0.5-2%. Không chứa mùn cao su tự nhiên; Mực chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chì. • Đạt tiêu chuẩn chứng nhận FDA, ISO 13485.	28 cuộn/ thùng	Cuộn	72

[TÊN CÔNG TY]⁽⁰⁾

Phụ lục 2: MẪU BÁO GIÁ
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày..... tháng..... năm 2026

Kính gửi: Bệnh Viện C Đà Nẵng

Căn cứ thư mời báo giá /BVC-VTTB của Bệnh Viện C Đà Nẵng ngày..... tháng..... năm 2026;
Chúng tôi [TÊN CÔNG TY] xin báo giá với nội dung cụ thể như sau:
1- Báo giá cho các hàng hoá và dịch vụ liên quan

STT theo thư mời báo giá	STT	Danh mục Hàng hoá	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ (Hãng/ Nước sản xuất)	Đơn vị tính/ Quy cách	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Đơn giá gồm thuế, phí, lệ phí và các chi phí dịch vụ liên quan (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13) = (10)+(11)+(12)
	1	Danh mục A										
	2	Danh mục B										
	n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hoá)

2- Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày [ghi thời gian theo yêu cầu báo giá], kể từ ngày ... tháng ... năm 2026 [NGÀY KẾT THÚC NHẬN BÁO GIÁ]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
Ký tên, đóng dấu

ⁱ Ngoài thông tin tên Công ty, vui lòng cho thêm các thông tin khác để liên hệ khi có vướng mắc.